

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/HSPT

Ngày : 22/02/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Kim Đồng**
- *Các Thẩm phán:* Bà **Hoàng Thị Minh Hương**
Ông **Võ Đình Nghị**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Hoàng Quốc Huy**; Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Tân**; Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2017/HSPT ngày 23/01/2017 đối với bị cáo Lê Thị Mỹ P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 177/2016/HSST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo.

Họ và tên: **Lê Thị Mỹ P**, sinh năm 1979, tại Lâm Đồng.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Số 1 Bis đường N, phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông Lê Văn C, sinh năm 1950; Con bà Lâm Thị N, sinh năm 1950.

Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. **Có mặt.**

Người bào chữa: Luật sư **Lê Cao T**, Văn phòng Luật sư BT, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. **Có mặt.**

Trong vụ án này, còn có người bị hại nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị, nên Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố và Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử về hành vi phạm tội như sau:

Do quen biết với chị Võ Đắc Diệu Q, nên bị cáo thường hay đến nhà của chị Q chơi và biết được chị Q cất bóp tiền trong tủ quần áo ở trong phòng ngủ. Trong thời gian quen biết, bị cáo có nợ chị Q 6.500.000đ mà không có tiền để trả, nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị Q để trả nợ.

Thực hiện ý định trên, ngày 23/8/2016 bị cáo đến nhà chị Q leo lên cửa sổ lan can trước nhà, thò tay qua ô cửa thông gió để mở cửa sổ. Bị cáo vào trong nhà đóng cửa sổ lại và đi thẳng vào phòng ngủ của vợ chồng chị Q, mở tủ quần áo lấy bóp tiền lấy 5.500.000đ và 100 USD (*một tờ Đô la Mỹ mệnh giá loại 100USD*), sau đó bị cáo cất bóp vào trong tủ quần áo và đi ra theo lối đi vào.

Sau khi trộm cắp, bị cáo cầm tờ 100USD đến khu vực trung tâm thành phố Đ đổi được 2.300.000đ cho một người phụ nữ không rõ tên tuổi, địa chỉ, sau đó bị cáo đón xe thồ đến Trường mầm non X nơi chị Q công tác để trả nợ. Tuy nhiên, trên đường đi bị cáo làm mất tiền nên chưa trả nợ được cho chị Q. Lúc này, bị cáo nhớ trong bóp tiền của chị Q còn một thẻ ATM nên đã quay trở lại nhà chị Q, tiếp tục theo đường cửa sổ lúc trước vào lấy thẻ ATM, sau đó bị cáo cầm thẻ ra Aribank chi nhánh thành phố Đ, đường N để rút tiền, khi đưa thẻ vào trụ rút tiền ATM thì bị cáo nghĩ đến ngày tháng năm sinh của chị Q, đồng thời bấm ngày tháng năm sinh của chị Q thì đúng là mật khẩu của thẻ. Bị cáo rút 5.000.000đ rồi quay lại nhà chị Q trả lại thẻ ATM vào bóp của chị Q, sau đó bị cáo tiếp tục đón xe thồ đến Trường mầm non X gặp chị Q trả nợ. Khi gặp, chị Q nói “*em bị mất tiền trong thẻ ATM*” và cùng bị cáo về nhà lấy thẻ ATM đến Aribank chi nhánh thành phố Đ để hỏi, sau khi nhân viên Ngân hàng cho coi lại camera thì chị Q nhận ra người rút tiền từ thẻ ATM của mình chính là bị cáo, đồng thời bị cáo thừa nhận là lấy tiền và thẻ ATM của chị Q.

Tang vật thu giữ 01 thẻ ATM của Aribank mang tên Võ Đắc Diệu Q và 5.000.000đ tiền mặt. Cơ quan Công an đã xử lý trả lại cho chị Q là chủ sở hữu. Đối với số tiền 5.500.000đ và 100 USD tương ứng 2.226.000đ cũng đã được bị cáo và gia đình bị báo bồi thường xong.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2016/HSST ngày 21/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tuyên bố bị cáo Lê Thị Mỹ P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/12/2016, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng mức hình phạt

cấp sơ thẩm áp dụng là nghiêm khắc, đề nghị áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm giảm 3 tháng tù cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa.

XÉT THẤY

Lợi dụng sự quen biết và đến nhà người bị hại chơi, đồng thời biết việc người bị hại cất bóp tiền trong tủ quần áo ở trong phòng ngủ. Ngoài ra, từ việc quen biết này, bị cáo có nợ chị Q 6.500.000đ mà không có tiền để trả, nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị Q để trả nợ.

Thực hiện ý định trên, ngày 23/8/2016 bị cáo đến nhà người bị hại leo lên cửa sổ lan can trước nhà, thò tay qua ô cửa thông gió để mở cửa sổ để vào trong nhà và đi thẳng vào phòng ngủ, mở tủ quần áo lấy số tiền 5.500.000đ và 100 USD (*một tờ Đô la Mỹ mệnh giá lại 100USD*) trong bóp, sau đó bị cáo cất bóp vào vị trí cũ và trở ra theo lối đi vào. Không dừng lại hành vi trộm cắp lần một, bị cáo tiếp tục quay trở lại nhà người bị hại và cũng theo cách vào nhà như lần trước lấy trộm thẻ ATM của người bị hại, sau đó bị cáo đến trụ rút tiền ATM của Aribank chi nhánh thành phố Đ đường N để rút tiền chiếm đoạt số tiền 5.000.000đ. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thu giữ vật chứng, biên bản xác minh hiện trường, lời khai của người bị hại, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp. Cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ tuyên bị cáo Lê Thị Mỹ P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, không những gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, còn thể hiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần, trong đó mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên bị cáo kháng cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, trong khi các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ như đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo theo quy định Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cũng đã được cấp sơ thẩm áp dụng Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Mỹ P, giữ nguyên bản án sơ thẩm; xử

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Mỹ P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; các Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mỹ P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ P phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại TP. HCM
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA thành phố Đà Lạt (02)
- VKS thành phố Đà Lạt (1)
- Công an thành phố Đà Lạt (1)
- Chi cục THADS Đà Lạt
- Bị cáo (*để thi hành*)
- Lưu hồ sơ; Ấn văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Kim Đồng

